

Số: 687/BC-UBND

Phù Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tháng 9 và nhiệm vụ tháng 10 năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Phù Yên về việc ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND huyện Phù Yên về việc giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2020;

UBND huyện Phù Yên báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước tháng 9 và nhiệm vụ chi tháng 10 năm 2020, như sau:

I. TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 9 NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình thu ngân sách tháng 9 năm 2020

Thu ngân sách nhà nước tháng 9 năm 2020 (*tính đến ngày 25/9/2020*): 828.618 triệu đồng, đạt 90,33% dự toán UBND tỉnh giao (917.298 triệu đồng) và đạt 89,62% so với dự toán HĐND huyện quyết định (924.618 triệu đồng).

1.1. Thu nội địa

Thu nội địa đạt **79.784 triệu đồng** bằng 83,98% so với dự toán UBND tỉnh giao (95.000 triệu đồng) và bằng 77,98% so với dự toán HĐND huyện giao (102.320 triệu đồng). Trong đó:

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt: 99,607 triệu đồng bằng 83,01% so với dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (120 triệu đồng).

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt: 570,3 triệu đồng bằng 40,73 dự toán tỉnh giao (1.400 triệu đồng), bằng 38,53% dự toán HĐND huyện giao (1.480 triệu đồng).

- Thu tiền sử dụng đất đạt: 37.922,126 triệu đồng bằng 108,4% so với dự toán UBND tỉnh giao (35.000 triệu đồng), bằng 94,8% so với dự toán HĐND huyện giao (40.000 triệu đồng).

- Thu nội địa không bao gồm thu từ đất đạt: 41,192 triệu đồng 86,1% so với dự toán UBND tỉnh giao (60.000 triệu đồng) đạt 66,1% so với dự toán HĐND huyện giao (62.320 triệu đồng). Trong đó:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước giữ vào trò chủ đạo đạt 1.055 triệu đồng đạt 422,2 % so với dự toán UBND tỉnh giao và HĐND huyện quyết định.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 25.087,346 triệu đồng bằng 64,66% so với dự toán UBND tỉnh giao (38.800 triệu đồng) và bằng 61,43% so với dự toán HĐND huyện quyết định (40.840 triệu đồng).

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 2.518,025 triệu đồng bằng 66,26% so với dự toán UBND tỉnh giao và HĐND huyện quyết định (3.800 triệu đồng).

+ Lệ phí trước bạ đạt 6.788,76 triệu đồng bằng 84,86% so với dự toán UBND tỉnh giao và HĐND huyện giao (8.000 triệu đồng).

+ Các loại phí, lệ phí đạt 1.355,9 triệu đồng bằng 45,2% so với dự toán UBND tỉnh giao (3.000 triệu đồng), bằng 42,37% so với dự toán HĐND huyện quyết định (3.200 triệu đồng).

+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 888,2 triệu đồng bằng 91,6% so với dự toán UBND tỉnh giao và HĐND huyện quyết định.

+ Thu khác ngân sách đạt 3.486,7 triệu đồng bằng 95,3% so với dự toán UBND tỉnh giao và dự toán HĐND huyện quyết định.

+ Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt: 12,045 triệu đồng, bằng 60,2% so với dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (20 triệu đồng).

1.2. Các khoản huy động đóng góp: 789,4 triệu đồng.

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 721.918,028 triệu đồng.

1.4. Thu chuyển nguồn 2019 sang năm 2020: 26.126,5 triệu đồng.

2. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2020

Tổng thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2020 ước đạt **886.193.439 triệu đồng**, bằng 96,61% dự toán tỉnh giao (917.298 triệu đồng), bằng 95,8% dự toán HĐND huyện giao (924.618 triệu đồng), trong đó:

- Thu địa bàn (nguồn thu nội địa) ước đạt **86.584,563 triệu đồng**, trong đó bao gồm thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất: 3.000 triệu đồng), bằng 91,142% dự toán tỉnh giao (95.000 triệu đồng), bằng 84,6% dự toán HĐND huyện giao (102.320 triệu đồng).

- Thu các khoản huy động, đóng góp: **789,373 triệu đồng.**

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh ước đạt **772.693,028 triệu đồng**, bằng 93,968% dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao (822.298 triệu đồng).

- Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020: **26.126,475 triệu đồng.**

3. Giải pháp thu ngân sách tháng 10 năm 2020

Triển khai thực hiện tốt Luật quản lý thuế, các quy định của pháp luật về Thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành; trao đổi kịp thời thông tin về đăng ký kinh doanh, tình hình quản lý thu thuế, tiến độ và thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn. Tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế; công tác thu nợ thuế; quản lý thu thuế xây dựng cơ bản tư nhân; quản lý các khoản thu từ đất; thực hiện các kế hoạch, đề án của UBND tỉnh, UBND huyện trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước.

Chi cục thuế khu vực Phù Yên - Bắc Yên chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị, phòng ban có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

Quản lý chặt chẽ các khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; triển khai các giải pháp chống thất thu ngân sách, tập trung khai thác nguồn thu, chống thất thu từ thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, thu sản xuất kinh doanh, kinh doanh vắng lai, xây dựng cơ bản, vận tải tư nhân, dịch vụ...

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các hộ kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn đưa 100% đối tượng kinh doanh vào quản lý thu thuế. Tổ chức kiểm tra, khảo sát doanh thu, mức thuế của các hộ kinh doanh, kịp thời điều chỉnh doanh thu, mức thuế đối với các trường hợp còn bất hợp lý.

Thực hiện rà soát các khoản thu phí, lệ phí, các khoản phí chuyển sang giá đảm bảo quản lý bao quát nguồn thu phát sinh trên địa bàn.

Rà soát toàn bộ tình hình nợ tiền sử dụng đất của các hộ gia đình trên địa bàn huyện, ban hành thông báo mẫu số 07 tính tiền chậm nộp gửi cho các hộ gia đình, đồng thời chuẩn bị tốt cho các điều kiện thành lập tổ đơn đốc nộp tiền nợ thuế.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THÁNG 9 NĂM 2020

1. Chi ngân sách

Chi ngân sách địa phương tháng 9 năm 2020 (*tính đến ngày 25/9/2020*): **658.496,7 triệu đồng**, bằng 72,32% so với dự toán UBND tỉnh giao (910.546 triệu đồng) và bằng 71,8% so với dự toán HĐND huyện giao (917.116 triệu đồng), trong đó:

1.1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 525.320,7 triệu đồng, bằng 75,4% so với dự toán UBND tỉnh giao (697.005 triệu đồng), bằng 74,66% so với dự toán HĐND huyện giao (703.575 triệu đồng), bao gồm:

1.1.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản (không bao gồm chi từ CTMTQG).

Chi đầu tư xây dựng cơ bản tháng 9 năm 2020: **77.713,72 triệu đồng**, (Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung đạt 22.747,5 triệu đồng, đạt 98,5% dự

toán giao năm 2020, chi nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: 34.978,4 triệu đồng, đạt 117,57% so với dự toán tỉnh giao (29.750 triệu đồng), đạt 102,88% dự toán huyện giao (34.000 triệu đồng), nguồn địa phương hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: 1.865,96 triệu đồng).

1.1.2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên tháng 9 năm 2020 là: **447.606,963 triệu đồng**, bằng 69,49% so với dự toán UBND tỉnh giao (644.153 triệu đồng), bằng 69,24% dự toán HĐND huyện giao (646.473 triệu đồng), trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế đạt 13.686,586 triệu đồng bằng 53,28% so với dự toán HĐND huyện và UBND tỉnh giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 272.322,886 triệu đồng bằng 67,93% dự toán UBND tỉnh và HĐND giao.

- Chi sự nghiệp y tế: 1.095,884 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh - truyền hình: 6.715,284 triệu đồng bằng 106,76% so với dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao.

- Chi đảm bảo xã hội đạt 46.821,43 triệu đồng bằng 175,3% so với dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao. Đảm bảo chi trả trợ cấp các chính sách cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách và các chế độ an sinh xã hội, chi hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình chính sách do ảnh hưởng bởi covid - 19.

- Chi quản lý hành chính đạt 93.630,86 triệu đồng bằng 58,68% so với dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao. Đảm bảo tiền lương, nhu cầu kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn huyện.

- Chi hoạt động của Trung tâm chính trị: 649,926 triệu đồng, đạt 37,63 % dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao.

- Chi quốc phòng - An ninh: 11.769,759 triệu đồng, đạt 138,34% dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao. Chi đảm bảo kinh phí chi lương, các khoản phụ cấp, các khoản có tính chất lương cho các bộ công an, quân sự cấp xã.

- Chi khác ngân sách: 914,346 triệu đồng, bằng 84,66% so với dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao.

1.2. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng chi chương trình mục tiêu quốc gia tháng 9/2020 là **130.465,622 triệu đồng**, bằng 62,5 % dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (208.776 triệu đồng) trong đó:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thực hiện chương trình 30a: **58.213,297 triệu đồng**, bằng 68,2 % dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao, trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 55.284,548 triệu đồng, bằng 72,14% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (76.637 triệu đồng).

+ Chi vốn sự nghiệp: 2.928,749 triệu đồng, bằng 33,44% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (8.757 triệu đồng).

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thực hiện chương trình 135: **17.091,628 triệu đồng**, bằng 55,6% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao. Trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 16.879,63 triệu đồng, bằng 71,91% dự toán huyện giao và HĐND huyện giao (23.474 triệu đồng).

+ Chi vốn sự nghiệp: 212 triệu đồng, bằng 2,92% dự toán huyện giao và HĐND huyện giao (7.268 triệu đồng).

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: **55.160,697 triệu đồng**, bằng 59,65% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (92.467 triệu đồng), trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 55.155,457 triệu đồng, bằng 72,26% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (76.325 triệu đồng).

+ Chi vốn sự nghiệp: 5.240 triệu đồng, bằng 0,03% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao (16.142 triệu đồng).

1.3. Tạm ứng chưa đưa vào cân đối ngân sách: 2.710,409 triệu đồng.

2. Nhiệm vụ chi tháng 10 năm 2020

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đồng bộ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật xây dựng và Luật đấu thầu. Xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo các khoản chi phải được giải ngân, thanh toán và phát huy hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn các chương trình trọng điểm: Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; chương trình xây dựng nông thôn mới...

Tổng chi ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 710.320,5 triệu đồng, bằng 78,01% so với dự toán UBND tỉnh giao (910.546 triệu đồng) và bằng 77,45% so với dự toán HĐND huyện giao (917.116 triệu đồng), trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản (không bao gồm chi từ CTMTQG) ước đạt 78.313,72 triệu đồng, bằng 148,2% dự toán UBND tỉnh (52.852 triệu đồng) và bằng 137,2% dự toán HĐND huyện giao (57.102 triệu đồng).

- Chi thường xuyên ước đạt 485.286,6 triệu đồng, bằng 75,34% so với dự toán tỉnh giao (644.153 triệu đồng) và bằng 75,07% dự toán HĐND huyện giao (646.473 triệu đồng).

- Chi chương trình MTQG ước đạt 144.009,7 triệu đồng, bằng 67,44% dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao (213.541 triệu đồng).

3. Giải pháp điều hành chi ngân sách tháng 10 năm 2020

- Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của luật đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ. Rà soát bổ sung giải pháp đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn năm 2019 chuyển nguồn sang

năm 2020; đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2020, các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, khẩn trương hoàn thiện các thủ tục về công tác đấu thầu đối với các dự án khởi công mới để triển khai thi công; hoàn thiện hồ sơ thanh toán với kho bạc nhà nước khi có khối lượng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý các nguồn vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh; Chương trình số 968/CTr-UBND ngày 26/6/2020 của UBND huyện.

- Thực hiện triệt để chi ngân sách, điều chỉnh phương án chi theo tiến độ thu ngân sách, tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán được giao và tiến độ triển khai thực hiện. Đảm bảo kinh phí thực hiện các khoản chi thiết yếu, chi cho con người như: Lương, phụ cấp lương, các khoản an sinh xã hội, đảm bảo xã hội... Tập trung tối đa nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, theo chỉ đạo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 tại Công văn số 972/UBND-TH ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ dự phòng ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tập trung cho mục tiêu khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tiếp tục đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch nCoV trên địa bàn huyện và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh theo chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn giải ngân thanh toán nguồn kinh phí chuyển nguồn sang năm 2020.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tháng 9 và nhiệm vụ tháng 10 năm 2020./

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- TT huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu VT.



Cầm Văn Đông



PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 9 NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số: 687/BC-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện Phú Yên)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện trong kỳ					Lũy kế đến 25/9/2020				So sánh (%TH/DT)		
				NSNN	Chia ra				NSNN	Chia ra				Tỉnh giao	Huyện giao
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã		
A	-	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	14=8/1	15=8/2
	TỔNG SỐ	917.298.000	924.618.000	58.046.524	436.206	83.078	56.974.887	553.543	828.618.439	2.343.134	7.509.019	808.676.442	10.089.844	1	1
I	THU TRÊN ĐỊA BÀN	95.000.000	102.320.000	5.879.624	436.205,8530	83.078,4290	4.807.987	553.543,088	79.784.563,1	2.343.134	7.509.019	64.005.481	5.926.929	83,98%	77,98%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	250.000	250.000	1.070	-	-	2.260	-	1.055.540,0	-	793.200	211.872	50.468	422,22%	422,22%
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	-	-	-	-	-	-	-	737.826	-	737.547,31	195,30	83,70	-	-
1.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	250.000	250.000	1.070,00	-	-	1.070,00	-	317.714	-	55.653,00	211.676,73	50.384,00	127,09%	127,09%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	38.800.000	40.840.000	4.061.719	-	-	3.786.130,53	275.588,4550	25.087.346,146	0	484.908	22.428.728	2.173.710	64,66%	61,43%
3.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	27.500.000	29.100.000	2.189.673,58	-	-	1.928.764,08	260.909,50	17.427.869	-	484.907,82	15.004.067,62	1.938.893,29	63,37%	59,89%
3.2	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.500.000	4.940.000	-	-	-	-	-	2.492.848	-	-	2.492.848,11	-	55,40%	50,46%
3.4	Thuế tài nguyên	6.800.000	6.800.000	1.872.045,41	-	-	1.857.366,45	14.678,96	5.166.629	-	-	4.931.812,33	234.816,99	75,98%	75,98%
3.5	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.800.000	3.800.000	191.948,69	-	(5.206,55)	19.110,15	178.045,09	2.518.025	-	-	624.369,82	1.893.655,15	66,26%	66,26%
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Lệ phí trước bạ	8.000.000	8.000.000	370.402,50	-	-	352.740,56	17.661,94	6.788.766	-	-	6.369.646,92	419.119,17	84,86%	84,86%
7	Các loại phí, lệ phí	3.000.000	3.200.000	79.994,50	12.888,30	-	12.106,84	54.999,36	1.355.903	92.841,60	4.000,00	418.324,86	840.736,94	45,20%	42,37%
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120.000,00	120.000,00	360,45	-	-	72,09	288,36	99.607	-	-	19.921,48	79.685,97	83,01%	83,01%
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.400.000	1.480.000	22.532,10	-	-	22.532,10	-	570.274	-	-	570.273,76	-	40,73%	38,53%
	Tr đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Thu tiền sử dụng đất	35.000.000	40.000.000	544.746,55	-	81.711,98	463.034,57	-	37.922.126	-	5.688.318,91	32.233.807,00	-	108,35%	94,81%
	Tr đó: Tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Nhà nước quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.5	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



STT	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HDND huyện giao	Thực hiện trong kỳ						Lũy kế đến 25/9/2020						So sánh (%TH/DT)	
			NSNN	Chia ra				NSNN	Chia ra				Tỉnh giao	Huyện giao		
				NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã				
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	970.000	970.000	500.000,00	350.000,00	-	150.000,00	-	888.226	549.432,10	29.600,10	309.193,80	-	91,57%	91,57%	
14	Thu khác ngân sách	3.660.000	3.660.000	106.850,44	73.317,55	6.573,00	-	26.959,88	3.486.704	1.700.860,72	508.991,50	819.343,74	457.508,38	95,27%	95,27%	
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ															
	Thu tiền phạt	860.000	860.000	124.490,00	92.540,00	20.000,00	-	11.950,00	1.802.540	1.285.962,72	248.526,00	112.500,00	155.551,00	209,60%	209,60%	
	Thu tịch thu			18.942,00	18.942,00	-	-	-	517.714	414.898,00	95.556,00	-	7.260,00			
	Thu hồi các khoản chi năm trước			-	-	-	-	-	625.103	-	1.933,00	543.600,63	79.569,00			
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			-	-	-	-	-	162.055	-	-	162.055,00	-			
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Thu khác còn lại (không kể thu khác tại xã) bao gồm: Thu tiền thuê nước Suối Sập	2.780.000	2.780.000	77.886,42	-	-	24,30	77.862,12	379.293	-	162.976,50	1.188,11	215.128,38	13,64%	13,64%	
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.000	20.000	-	-	-	-	-	12.045,0	-	-	-	12.045			
16	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
II	THU VỀ DẦU THỎ			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
III	THU CÂN ĐỐI TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
IV	THU VIỆN TRỢ			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
V	Các khoản huy động, đóng góp			3.390	-	-	3.390	-	789.373,0	-	-	789.373,00	-			
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ			-	-	-	-	-	100.000,0	-	-	100.000	-			
2	Các khoản huy động đóng góp khác			-	-	-	-	-	689.373,0	-	-	689.373	-			
VI	Thu hồi các khoản cho vay của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Thu từ các khoản cho vay của nhà nước			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.1	Thu nợ gốc cho vay			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.2	Thu lãi cho vay			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
VII	Tạm thu ngân sách			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
VIII	Các khoản thu không có trong công thức			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Trong đó: Các khoản thu có cấp ngân sách là 0			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
IX	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	822.298.000	822.298.000	52.163.510	-	-	52.163.510	-	721.918.028,0	-	-	721.918.028	-			
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	822.298.000	822.298.000	52.163.510	-	-	52.163.510	-	721.918.028,0	-	-	721.918.028	-	87,79%	87,79%	
	Bổ sung cân đối	608.757.000	608.757.000	50.775.000,00	-	-	50.775.000,00	-	454.256.010	-	-	454.256.010	-	74,62%	74,62%	
	Bổ sung có mục tiêu	213.541.000	213.541.000	1.388.510,00	-	-	1.388.510,00	-	267.662.018	-	-	267.662.018	-	125,34%	125,34%	
2	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.162.915,51			
XI	THU CHUYỂN NGUỒN			-	-	-	-	-	26.126.475	-	-	21.963.559,27	-			
XII	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			



PHỤ LỤC 02
BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020
THÁNG 9 NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 687/BC-UBND của UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện Phú Yên)

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Thực hiện trong kỳ			Lũy kế tính đến thời điểm báo cáo (25/09/2020)			So sánh (%TH/DT)	
				Tổng cộng	NS cấp huyện	NS cấp xã	Tổng cộng	NS cấp huyện	NS cấp xã	Tỉnh giao	Huyện giao
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10=6/2
	Tổng chi	910.546.000	917.116.000	63.101.268	53.723.783	9.388.837	658.496.714	549.701.942	108.794.772	72,32%	71,80%
A	Chi cân đối ngân sách huyện	697.005.000	703.575.000	52.743.265	43.497.780	9.256.837	525.320.683	416.853.560	108.467.123	75,37%	74,66%
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	52.852.000	57.102.000	8.837.978	8.849.330	-	77.713.720	77.713.720	-	147,04%	136,10%
1	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	29.750.000	34.000.000	8.837.978	8.837.978	-	34.978.430	34.978.430	-	117,57%	102,88%
2	Chi đầu tư XDCB tập trung	23.102.000	23.102.000	-	-	-	22.747.544	22.747.544	-	98,47%	98,47%
3	Nguồn địa phương hỗ trợ xây dựng NTM	-	-	-	-	-	1.865.960	1.865.960	-	-	-
4	Chi ĐTPPT khác	-	-	-	11.352	-	18.121.786	18.121.786	-	-	-
II	Chi thường xuyên	644.153.000	646.473.000	43.905.287	34.648.450	9.256.837	447.606.963	339.139.840	108.467.123	69,49%	69,24%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	25.687.000	25.687.000	2.017.951	1.318.473	235.339	13.686.586	12.039.111	1.647.475	53,28%	53,28%
2	Chi sự nghiệp giáo dục	400.911.000	400.911.000	30.150.431	30.150.431	-	272.322.886	272.322.886	-	67,93%	67,93%
3	Chi sự nghiệp Y tế	-	-	-	-	-	1.095.884	995.655	100.229	-	-
4	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh - truyền hình	6.290.000	6.290.000	666.239	388.188	278.051	6.715.284	3.876.698	2.838.586	106,76%	106,76%
6	Chi đảm bảo xã hội	26.711.000	26.711.000	1.481.816	972.041	509.775	46.821.432	19.271.399	27.550.033	175,29%	175,29%
7	Chi quản lý hành chính cấp huyện	159.572.000	159.572.000	9.121.179	1.586.985	7.534.194	93.630.860	25.584.554	68.046.306	58,68%	58,68%
8	Chi trung tâm chính trị	1.727.000	1.727.000	128.912	128.912	-	649.926	649.926	-	37,63%	37,63%
9	Chi An ninh- quốc phòng	8.508.000	8.508.000	802.898	103.420	699.478	11.769.759	3.485.265	8.284.494	138,34%	138,34%
10	Chi khác ngân sách	1.080.000	1.080.000	-	-	-	914.346	914.346	-	84,66%	84,66%
11	Tặng thu 50% để thực hiện CCTL	-	1.160.000	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Dự kiến tặng thu 2018	-	1.160.000	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Dự phòng ngân sách huyện	11.301.000	11.301.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
15	Dự phòng ngân sách xã	2.366.000	2.366.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
16	Giảm trừ nguồn CCTL theo kết luận KTNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Thực hiện trong kỳ			Lũy kế tính đến thời điểm báo cáo (25/09/2020)			So sánh (%TH/DT)	
				Tổng cộng	NS cấp huyện	NS cấp xã	Tổng cộng	NS cấp huyện	NS cấp xã	Tỉnh giao	Huyện giao
B	Chương trình mục tiêu năm 2020	213.541.000	213.541.000	10.358.003	10.226.003	132.000	130.465.622	130.248.382	217.240	61,10%	61,10%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	208.776.000	208.776.000	10.358.003	10.226.003	132.000	130.465.622	130.248.382	217.240		
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	116.309.000	116.309.000	5.639.026	5.509.026	130.000	75.304.925	75.092.925	212.000	64,75%	64,75%
1.1	Chương trình 30a	85.394.000	85.394.000	5.119.026	5.119.026	-	58.213.297	58.213.297	-	68,17%	68,17%
	- Vốn đầu tư	76.637.000	76.637.000	2.190.277	2.190.277	-	55.284.548	55.284.548	-	72,14%	72,14%
	- Vốn sự nghiệp	8.757.000	8.757.000	2.928.749	2.928.749	-	2.928.749	2.928.749	-	33,44%	33,44%
1.2	Chương trình 135	30.742.000	30.742.000	520.000	390.000	130.000	17.091.628	16.879.628	212.000	55,60%	55,60%
	- Vốn đầu tư	23.474.000	23.474.000	390.000	390.000	-	16.879.628	16.879.628	-	71,91%	71,91%
	- Vốn sự nghiệp	7.268.000	7.268.000	130.000	-	130.000	212.000	-	212.000	2,92%	2,92%
1.3	Nâng cao năng lực giám sát đánh giá chương trình	173.000	173.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
2	CTMTQG xây dựng NTM	92.467.000	92.467.000	4.718.977	4.716.977	2.000,0	55.160.697	55.155.457	5.240	59,65%	59,65%
	- Vốn đầu tư	76.325.000	76.325.000	4.716.977	4.716.977	-	55.155.457	55.155.457	-	72,26%	72,26%
	- Vốn sự nghiệp	16.142.000	16.142.000	2.000	-	2.000	5.240	-	5.240	0,03%	0,03%
II	Chương trình mục tiêu (Vốn sự nghiệp)	4.765.000	4.765.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
1	CTMT trật tự an toàn giao thông, tội phạm và ma túy	50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
2	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	164.000	164.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
3	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	4.551.000	4.551.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	0,00%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN	-	-	-	-	-	-	-	-		
D	TẠM CHI CHỨA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI	-	-	-	-	-	2.710.409	2.600.000	110.409		